



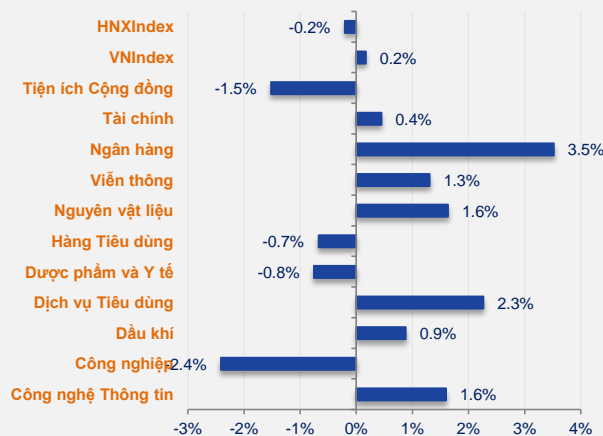
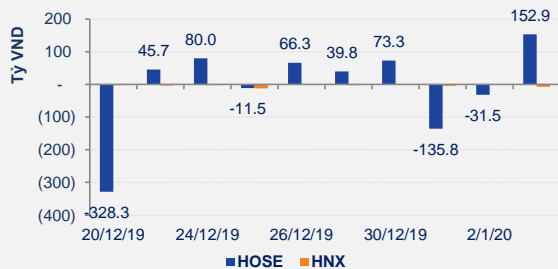
WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 30/12/2019 - 3/1/2020

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	965.14	↑ 0.2%	102.39	↓ -0.2%
KLGD (trCP)	721.98	↓ -36.8%	126.32	↓ -36.4%
GTGD (tỷ VND)	11,974.86	↓ -39.7%	1,601.60	↓ -35.9%
Tổng cung (trCP)	1,618.55	↓ -18.1%	207.38	↓ -23.0%
Tổng cầu (trCP)	1,440.28	↓ -24.7%	182.44	↓ -24.2%

Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	39.34	↓ -36.9%	1.16	↓ -28.7%
KL bán (trCP)	35.23	↓ -30.3%	1.90	↓ -37.3%
GT mua (tỷ VND)	1,021.43	↓ -44.0%	11.67	↓ -22.3%
GT bán (tỷ VND)	962.55	↓ -40.0%	24.50	↓ -31.9%

Biến động giá Ngành theo Tuần**Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài****ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG**

Thị trường tiếp tục giằng co trong tuần qua với việc hai chỉ số chính kết phiên trái chiều. Cụ thể, kết thúc tuần giao dịch, VN-Index tăng 1,63 điểm (+0,2%) lên 965,14 điểm; HNX-Index giảm 0,212 điểm (-0,2%) xuống 102,39 điểm. Thanh khoản suy giảm so với tuần trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 tuần với chỉ khoảng hơn 2.700 tỷ đồng giao dịch mỗi phiên trên hai sàn. Cụ thể, giá trị giao dịch trên HOSE giảm 39,7% xuống 11.975 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 36,8% xuống 722 triệu cổ phiếu; giá trị giao dịch trên HNX giảm 35,9% xuống 1.602 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 36,4% xuống 126 triệu cổ phiếu. Với việc VN-Index hồi phục nhẹ trong tuần qua thì phần lớn các nhóm cổ phiếu trụ cột cũng có sự phục hồi. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng mạnh nhất với 3,5% giá trị vốn hóa là nguyên nhân chính giúp thị trường hồi phục, phần lớn các mã đều tăng giá như VCB (+0,2%), BID (+1,1%), CTG (+3,1%), VPB (+3,6%), TCB (+1,9%), HDB (+2%), ACB (+1,3%), SHB (+1,6%)... Tiếp theo là nhóm cổ phiếu dịch vụ tiêu dùng với mức tăng 1,5% giá trị vốn hóa, chủ yếu do đà tăng của trụ cột trong nhóm là VJC (+3,1%). Ở chiều ngược lại, cổ phiếu công nghiệp giảm mạnh nhất với 2,4% giá trị vốn hóa, với các mã tiêu biểu như AST (-0,9%), CIA (-4,7%), GEX (-1%), PHP (-5,1%), VCG (-2,6%)... Cổ phiếu tiện ích cộng đồng giảm 1,5% vốn hóa, với các mã như GAS (-2,3%), POW (-0,4%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chỉ số VN-Index tiếp tục hồi phục nhẹ trong tuần qua với diễn biến giằng co và vẫn nằm trong biên độ 950-970 điểm như diễn biến của bốn tuần trước đó. Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục vượt đỉnh nhưng những căng thẳng địa chính trị có thể đã khiến cho tâm lý thị trường nhà đầu tư trong nước trở nên thận trọng hơn, nhất là trong phiên cuối tuần. Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhưng với giá trị ít hơn, chỉ gần 50 tỷ đồng trên hai sàn. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 1/2020 giảm mạnh hơn chỉ số cơ sở VN30 trong phiên cuối tuần, qua đó nói rộng basis âm lên 3,78 điểm cho thấy nhà đầu tư đang bị quan hơn về triển vọng ngắn hạn của thị trường. Với dòng tiền yếu cùng tâm lý không mấy lạc quan như thời điểm hiện tại thì giai đoạn giằng co và tích lũy có thể tiếp tục. Dự báo, trong tuần giao dịch tiếp theo (6/1-10/1), VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 950-970 điểm như diễn biến của năm tuần trước đó với nền tảng thanh khoản ở mức thấp. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và giải ngân thêm nếu như thị trường có những nhịp test lại ngưỡng hỗ trợ quanh 940 điểm (đáy tháng 6/2019). Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục áp dụng chiến lược mua thấp bán cao (buy low sell high) trong giai đoạn này với ngưỡng hỗ trợ và kháng cự gần nhất quanh 950 điểm và 970 điểm.



WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 30/12/2019 - 3/1/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index hồi phục nhẹ trong tuần giao dịch qua. Diễn biến giao dịch trong tuần là trung tính với ba phiên hồi phục và hai phiên điều chỉnh. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 970,88 điểm và 958,22 điểm. Kết tuần, VN-Index tăng 1,63 điểm (+0,2%) lên 965,14 điểm.

CREE1904 là mã tăng giá mạnh nhất tuần với mức tăng 26,9% từ 1.040 đồng lên 1.320 đồng, tiếp theo là PIT với mức tăng 20,8% từ 3.310 đồng lên 4.000 đồng. Ở chiều ngược lại, CDPM1901 là mã giảm mạnh nhất tuần với mức giảm 82,1% từ 280 đồng xuống 50 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ trong tuần giao dịch qua. Diễn biến giao dịch trong tuần là trung tính với ba phiên hồi phục và hai phiên điều chỉnh. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 103,517 điểm và 101,496 điểm. Kết tuần, HNX-Index giảm 0,212 điểm (-0,2%) xuống 102,39 điểm.

VNT là cổ phiếu tăng giá ấn tượng nhất tuần với mức tăng 20,5% từ 38.500 đồng lên 46.400 đồng, tiếp theo là SJ1 với mức tăng 18,4% từ 19.000 đồng lên 22.500 đồng. Ở chiều ngược lại, C69 là cổ phiếu có mức giảm mạnh nhất tuần với 32,6% từ 9.500 đồng xuống 6.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 59,72 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,94 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, mã được mua ròng nhiều nhất là HPG với 3,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 2,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HDB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 3,5 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,83 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 740 nghìn cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 673 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HUT với 528 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 195 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

3 kịch bản lạm phát năm 2020: Tác động mạnh bởi giá thịt lợn

Kịch bản thứ nhất, lạm phát trung bình cả năm 2020 có thể xoay quanh mức 3%. Kịch bản thứ hai, lạm phát trung bình của cả năm 2020 có thể xoay quanh mức 3,5%. Kịch bản tệ nhất, việc kiểm chế lạm phát dưới 4% là tương đối khó khăn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tiếp tục hồi phục nhẹ trong tuần giao dịch qua và hiện chỉ số kết tuần trên ngưỡng 960 điểm, khối lượng giao dịch suy giảm so với tuần trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 tuần. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 960 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 980 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 975 điểm (MA200). Dự báo, trong tuần giao dịch tiếp theo (6/1-10/1), VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 950-970 điểm như diễn biến của năm tuần trước đó với nền tảng thanh khoản ở mức thấp.

HNX-Index:



HNX-Index giảm nhẹ trong tuần giao dịch qua và chỉ số hiện kết tuần dưới ngưỡng 102,5 điểm (MA20), khối lượng giao dịch suy giảm so với tuần trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 tuần. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 102,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 103,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 104,5 điểm (MA200). Dự báo, trong tuần giao dịch tiếp theo (6/1-10/1), HNX-Index có thể tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 101,5-103,5 điểm như diễn biến của năm tuần trước đó với nền tảng thanh khoản thấp.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 42,85 - 43 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), 350.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 180.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm tăng 7 đồng

Ngày 3/1, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.157 đồng (tăng 7 đồng).

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 20,85 USD/ounce tương ứng với 1,36% lên 1.548,95 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,095 điểm tương ứng 0,01% lên 96,62 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1146 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3090 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 107,95 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2,13 USD tương ứng 3,48% lên 63,31 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/1, chỉ số Dow Jones tăng 330,36 điểm tương ứng 1,16% lên 28.868,8 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 119,58 điểm tương ứng 1,33% lên 9.092,19 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 27,07 điểm tương ứng 0,84% lên 3.257,85 điểm.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	7,284,300	HDB	3,471,570
2	E1VFN30	3,414,940	POW	2,514,900
3	VRE	2,873,700	ROS	2,374,100
4	CTG	2,301,510	PVD	1,982,640
5	MSN	1,129,740	VCI	1,241,730

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	194,640	PVS	672,700
2	SHS	185,980	HUT	528,020
3	TIG	123,900	VNR	190,430
4	BVS	74,500	NDN	135,900
5	BII	51,310	KVC	68,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	21.45	15.15	↓ -29.37%	118,258,240
DLG	1.97	2.07	↑ 5.08%	48,371,690
FLC	4.70	4.62	↓ -1.70%	41,774,050
HPG	23.00	24.15	↑ 5.00%	23,155,220
ITA	2.81	2.80	↓ -0.36%	22,967,050

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.10	6.50	↑ 6.56%	24,318,208
ART	2.60	2.60	↔ 0.00%	12,073,287
KLF	1.70	1.60	↓ -5.88%	10,795,772
VCG	26.70	26.10	↓ -2.25%	9,702,746
NVB	9.50	9.20	↓ -3.16%	9,585,653

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PIT	3.10	4.00	0.9	↑ 29.03%
CREE1904	1.05	1.32	0.3	↑ 25.71%
CHPG1908	1.52	1.87	0.4	↑ 23.03%
MDG	11.00	13.50	2.5	↑ 22.73%
GAB	15.15	18.55	3.4	↑ 22.44%

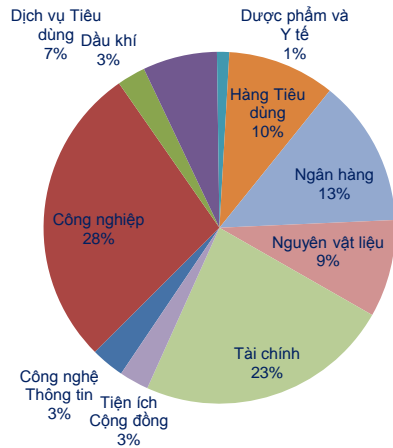
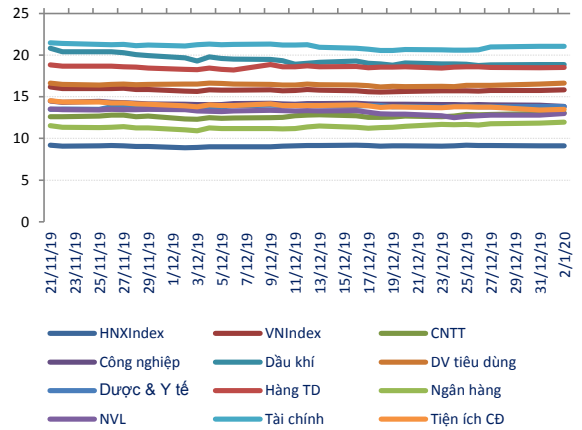
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	38.50	46.40	7.9	↑ 20.52%
SJ1	19.00	22.50	3.5	↑ 18.42%
VC9	10.60	12.50	1.9	↑ 17.92%
L35	10.20	12.00	1.8	↑ 17.65%
SD2	4.60	5.40	0.8	↑ 17.39%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CDPM1901	0.33	0.05	-0.3	↓ -84.85%
CSTB1901	0.17	0.04	-0.1	↓ -76.47%
LMH	10.60	7.39	-3.2	↓ -30.28%
VRC	20.80	14.55	-6.3	↓ -30.05%
ROS	21.45	15.15	-6.3	↓ -29.37%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C69	10.50	6.40	-4.1	↓ -39.05%
DPS	0.30	0.20	-0.1	↓ -33.33%
BXH	11.50	8.10	-3.4	↓ -29.57%
DZM	3.50	2.50	-1.0	↓ -28.57%
MBG	27.90	20.30	-7.6	↓ -27.24%

(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	118,258,240	2.9%	299	50.7	1.4
DLG	48,371,690	2.8%	330	6.3	0.2
FLC	41,774,050	3.2%	405	11.4	0.4
HPG	23,155,220	17.0%	2,664	9.1	1.5
ITA	22,967,050	1.7%	185	15.1	0.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	24,318,208	13.6%	1,963	3.3	0.4
ART	12,073,287	5.1%	558	4.7	0.2
KLF	10,795,772	0.9%	96	16.6	0.2
VCG	9,702,746	8.8%	1,563	16.7	1.7
NVB	9,585,653	1.2%	127	72.5	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	↑ 29.0%	-0.5%	-44	-	0.5
CREE1904	↑ 25.7%	N/A	N/A	N/A	N/A
CHPG1908	↑ 23.0%	N/A	N/A	N/A	N/A
MDG	↑ 22.7%	3.1%	432	31.3	0.9
GAB	↑ 22.4%	5.8%	449	41.3	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 20.5%	3.9%	721	64.3	2.6
SJ1	↑ 18.4%	9.8%	1,289	17.5	1.7
VC9	↑ 17.9%	0.2%	26	477.3	0.8
L35	↑ 17.6%	1.5%	223	53.9	0.8
SD2	↑ 17.4%	1.9%	262	20.6	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	7,284,300	17.0%	2,664	9.1	1.5
E1VFN30	3,414,940	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	2,873,700	9.4%	1,170	29.6	2.8
CTG	2,301,510	8.6%	1,643	13.0	1.1
MSN	1,129,740	14.6%	4,502	12.8	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	194,640	13.6%	1,963	3.3	0.4
SHS	185,980	13.6%	1,805	4.3	0.6
TIG	123,900	6.9%	893	7.6	0.6
BVS	74,500	6.8%	1,642	6.1	0.4
BII	51,310	-4.6%	-485	-	0.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	388,397	4.0%	1,361	84.7	5.0
VCB	333,428	26.3%	5,269	17.1	4.1
VHM	280,267	31.9%	5,372	15.9	5.2
VNM	206,005	38.2%	6,134	19.3	7.6
BID	187,828	12.6%	2,045	22.8	2.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	38,100	25.1%	3,571	6.4	1.5
VCG	11,529	8.8%	1,563	16.7	1.7
VCS	10,880	45.7%	8,579	7.9	3.5
PVS	8,651	7.7%	2,057	8.8	0.7
SHB	7,820	13.6%	1,963	3.3	0.4



Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
3/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	E1VFN30	Niêm yết thêm
13/12/2019	5/1/2020	23/12/2019	20/12/2019	VTX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
28/1/2019	6/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	VCB	Niêm yết thêm
27/11/2019	6/1/2020	4/12/2019	3/12/2019	GTS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/12/2019	6/1/2020	0/1/1900	13/12/2019	BCF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4/12/2019	6/1/2020	12/12/2019	11/12/2019	DVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/12/2019	6/1/2020	20/12/2019	19/12/2019	MDN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/12/2019	6/1/2020	18/12/2019	17/12/2019	TBD	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12/12/2019	6/1/2020	24/12/2019	23/12/2019	VDS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/12/2019	6/1/2020	23/12/2019	20/12/2019	BSI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/12/2019	6/1/2020	26/12/2019	25/12/2019	XDH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/11/2019	6/1/2020	25/12/2019	24/12/2019	HCB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27/12/2019	6/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	HC1	Niêm yết mới
12/12/2019	7/1/2020	20/12/2019	19/12/2019	SRF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/10/2019	8/1/2020	15/11/2019	14/11/2019	AST	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/11/2019	8/1/2020	26/11/2019	25/11/2019	TIX	Đại hội Đồng Cổ đông
5/12/2019	8/1/2020	25/12/2019	24/12/2019	THG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2019	8/1/2020	18/12/2019	17/12/2019	PDR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/12/2019	8/1/2020	25/12/2019	24/12/2019	A32	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/12/2019	8/1/2020	23/12/2019	20/12/2019	HAM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/12/2019	8/1/2020	3/1/2020	2/1/2020	PRE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/12/2019	8/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	VHI	Niêm yết mới
30/12/2019	8/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	GTK	Niêm yết mới
2/1/2020	8/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	DUS	Niêm yết mới
9/12/2019	9/1/2020	23/12/2019	20/12/2019	DRL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/12/2019	9/1/2020	24/12/2019	23/12/2019	HND	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/12/2019	9/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	AGG	Niêm yết mới
31/12/2019	9/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	UDL	Niêm yết mới
2/1/2020	9/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	GQN	Niêm yết mới
2/1/2020	9/1/2020	3/1/2020	3/1/2020	QNT	Niêm yết mới



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung
Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
